TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114** /2026/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST –HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: 209/3 ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1976. Địa chỉ: 44/3 ấp Quí An, xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày

Tôi và ông Trần Văn Măng do tìm hiểu quen biết, hai bên có tình cảm vì vậy tôi và ông Trần Văn M có tổ chức tiệc cưới và vào ngày 24/10/2005 chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống vui vẻ, hạnh phúc với nhau đến khoảng thời gian đầu năm 2016 giữa tôi và ông Trần Văn M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tôi và ông Trần Văn M hiện tại không còn chung sống với nhau, chúng tôi ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa tôi và ông Trần Văn M đi vào bế

tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Nay thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn M. Chúng tôi kết hôn với nhau và có 02 (hai) người con chung là cháu Trần Tấn Đ1 sinh ngày 29/03/1999 và cháu Trần Thị L sinh ngày 19/11/2000, hiện tại con đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Trần Văn M đều vắng mặt nện không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện thì quan hệ pháp luật là tranh chấp Ly hôn theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn M xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống bà Đ cho rằng vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông M để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù Tòa án đã động viên, thuyết phục nhưng bà Đ vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Đ ông M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần văn M có 02 con chung là Trần Tấn Đ1 sinh ngày 29/03/1999 và Trần Thị L, sinh ngày 19/11/2000 đã trưởng thành, có thể tự lập, bà Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ khai bà và ông Trần Văn M không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn M có 02 con chung là Trần Tấn Đ1 sinh ngày 29/03/1999 và Trần Thị L, sinh ngày 19/11/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ khai bà và ông Trần Văn M không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012193 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (bà Đ đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Quới Điền (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở